

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17-02-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Doãn Thị Lệ

2. Bà Trần Thị Thúy Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đại Bình – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại: Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 683/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021, về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1979. Địa chỉ: Hẻm 84 C, Tổ 1, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Hẻm 84 C, Tổ 1, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2021, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 27 tháng 06 năm 2013.

Quá trình chung sống đến nay, bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn T có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2014. Vợ chồng bà Ngọc A và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn thường xuyên cãi

nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không thương yêu con riêng của bà Ngọc A là cháu Nguyễn Tiến T, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2008 và nhiều lần phân biệt đối xử giữa cháu Đ và cháu T. Việc ông T phân biệt đối xử với cháu T đã dẫn đến việc hiện nay bà Ngọc A phải đưa cháu T về nhà mẹ của bà Ngọc A tại phường P, thành phố P, tỉnh G từ tháng 12 năm 2021 đến nay để sinh sống nhằm tránh xảy ra xung đột nghiêm trọng giữa ông T và cháu T.

Ngoài ra, bà Ngọc A cho biết ông T cũng không quan tâm chăm sóc đến bà Ngọc A, ngay cả khi bà Ngọc A sinh con, đau bệnh. Trong cuộc sống, ông T hàng tháng chỉ giao cho bà Ngọc A 5.000.000đồng để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình. Ngoài số tiền trên ông T không thể hiện được trách nhiệm gì khác trong cuộc sống chung của vợ chồng và không thể hiện có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Bà Ngọc A đã nhiều lần nộp đơn ly hôn nhưng vì con chung là cháu Đ mà bà Ngọc A đã rút đơn. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay bà Ngọc A không còn chịu đựng ông T được nữa.

Đến nay, bà Ngọc A nhận thấy thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Ngọc A khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Ngọc A được ly hôn với ông Nguyễn Văn T;

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2014. Hiện cháu Nguyễn Văn Đ đang sống chung với mẹ. Bà Ngọc A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Ngọc A yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 03/2022 và vào ngày 01 hàng tháng cho đến khi cháu Nguyễn Văn Đ thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08-12-2021, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về hoàn cảnh và điều kiện kết hôn ông T thống nhất với ý kiến của bà Ngọc A trình bày.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông T thừa nhận quá trình chung sống đến nay giữa ông T và bà Nguyễn Thị Ngọc A có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T uống bia, rượu nên ông T có to tiếng với cháu Nguyễn Tiến T. Hiện cháu T đang tuổi vị thành niên nên trong mối quan hệ giữa ông T và cháu T thì cháu T có to tiếng với ông T. Ông T cho rằng mâu thuẫn giữa ông T và cháu T do hiểu lầm và mâu thuẫn giữa ông T và cháu T chỉ là mâu thuẫn nhỏ, không đáng kể và chỉ xảy ra đôi lần.

Ông T cho biết ông T đã xin lỗi bà Ngọc A và cam kết sẽ sửa đổi để hòa hợp với cháu T. Ông T mong muốn bà Ngọc A đón cháu T về để ông T khắc phục, quan tâm, chăm sóc và nuôi dạy cháu T.

Nay tình cảm của ông T đối với bà Ngọc A vẫn còn nên ông T mong muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau để cùng nhau nuôi dạy các con nên người nên bà Ngọc A yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn. Từ trước đến nay ông T cho rằng ông T vẫn chủ động hòa giải với bà Ngọc A nhưng bà Ngọc A vẫn từ chối tình cảm của ông. Đến nay ông T không có biện pháp gì khác để hàn gắn tình cảm vợ chồng, giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng, chỉ mong Tòa án hòa giải cho vợ chồng được về đoàn tụ với nhau.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2014. Trong trường hợp phải giải quyết ly hôn thì ông T đồng ý giao cháu Nguyễn Văn Đ cho bà Ngọc A được trực tiếp nuôi dưỡng và ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 03/2022 và vào ngày 01 hàng tháng cho đến khi cháu Nguyễn Văn Đ thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi ý kiến của con chung đủ bảy tuổi ngày 29-11-2021, cháu Nguyễn Văn Đ trình bày:

Khi cha mẹ của cháu ly hôn thì cháu Nguyễn Văn Đ có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thị Ngọc A.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

* Về nội dung vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung cụ thể như sau:

Giao con chung là cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2014 cho bà Ngọc A được trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn Thanh có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 03-2022 và

vào ngày 01 hàng tháng cho đến khi cháu Nguyễn Văn Đ thành niên và có khả năng lao động.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và ông T phải chịu 150.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Ngọc A có đơn yêu cầu tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Nguyễn Văn T, cư trú tại: Hẻm 84 C, Tổ 1, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xác định quan hệ tranh chấp là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 27-06-2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà Ngọc A và ông T là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn T đều thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng ông T và bà Ngọc A có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ cách đối xử của ông T đối với con riêng của bà Ngọc A là cháu Nguyễn Tiến T. Bà Ngọc A cho rằng ông T không thương yêu cháu T nên giữa hai người thường xảy ra mâu thuẫn. Tình trạng này kéo dài nên để tránh hậu quả không mong muốn xảy ra, bà Ngọc A đã đưa cháu T đến sống tại nhà mẹ của bà Ngọc A tại phường P, thành phố P, tỉnh G từ tháng 12 năm 2021.

Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà Ngọc A và ông T khắc phục tình trạng mâu thuẫn nêu trên nhưng không có kết quả. Ông Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn nhưng không khắc phục được tình trạng mâu thuẫn vợ chồng và bà Ngọc A vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn vì không còn tình cảm với ông T.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định hôn nhân của bà Ngọc A và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ngọc A.

[3] Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2014. Hiện nay, cháu Nguyễn Văn Đ vẫn sống chung với bà Ngọc A và ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Ngọc A và ông T đều thống nhất trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì giao con cho bà Ngọc A được trực tiếp nuôi dưỡng và ông T đồng ý đóng tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 3.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 03/2022 và vào ngày 01 hàng tháng cho đến khi cháu Nguyễn Văn Đ thành niên và có khả năng lao động. Thỏa thuận này của bà Ngọc A và ông T là phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Văn Đ và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết việc nuôi con của bà Ngọc A.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ngọc A và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí:

Bà Ngọc A là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng đối với yêu cầu giải quyết ly hôn.

Các đương sự thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa nên ông T là người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch là 150.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84, khoản 1 Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm a Khoản 5 và điểm b Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc A.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn T về con chung cụ thể như sau:

- Giao con chung là cháu cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2014 cho bà Ngọc A được trực tiếp nuôi dưỡng

- Ông T có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động; việc đóng tiền thực hiện vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 03/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai số 0001069 ngày 23-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Ông Nguyễn Văn T phải chịu 150.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
 - VKSND tp Pleiku;
 - Chi cục THADS tp Pleiku;
 - UBND xã T
- (Giấy CNKH số 19 ngày 27-6-2013);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Vũ Đình Nguyên